TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST Ngày: 13/7/2020 "V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Kim Phụng.
2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Châu Nữ Thu Hân - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Cao Lãnh

Ngày 13/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2020 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị Q, sinh năm 196y.
Địa chỉ: Số nhà b, Quốc lộ b, tổ h, khóm M, phường P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Huỳnh Văn C, sinh năm 196x.
Địa chỉ: Số nhà b, Quốc lộ b, tổ h, khóm M, phường P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ liên lạc: Số a, đường S, P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Q trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C có tìm hiểu nhau được 02 năm, từ năm 1987 đến 1989 và quyết định sống chung với nhau. Bà

Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C kết hôn năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, vào ngày 12/11/1989.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng hiện tại cuộc sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa và xung đột gia đình, dẫn đến mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc nguyên nhân là do vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ, chồng không sống chung từ năm 2018 đến nay. Nay bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Lê Minh Đ, sinh năm 199x và Huỳnh Lê Minh Q, sinh năm 199y, hiện nay 02 con chung đang sống với bà Q, hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn C trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn C thống nhất lời trình bày của bà Q về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Đối với mâu thuẫn vợ chồng, ông C chỉ có lỗi là thường xuyên đi làm ăn xa, ít về thăm nhà, ông C còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Lê Minh Đ, sinh năm 199x và Huỳnh Lê Minh Q, sinh năm 199y, hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị Q và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn ông Huỳnh Văn C có địa chỉ tại phường P, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C được xác lập vào năm 1989, do hai ông bà tự nguyện và thừa nhận,

ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/11/1989 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Q cho rằng ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và hai người đã có con với nhau, ông C đi làm về là đến sống chung với người phụ nữ đó, không về nhà từ năm 2018 và vợ chồng không sống chung từ đó đến nay, bà Q nhiều lần hàn gắn tình cảm, mong muốn ông C quay về với gia đình nhưng ông C không thay đổi mà còn mua đất, cất nhà để sống chung với người phụ nữ đó. Nay bà Q cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông C, vì bà không còn tình cảm với ông C, bà Q không yêu cầu Tòa án xem xét hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của ông C.

Tại phiên tòa, ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q vì ông còn thương vợ con, ông C không thừa nhận việc bà Q cho rằng ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Q cho rằng ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và hai người đã có con với nhau nhưng bà Q không có chứng cứ chứng minh và sự việc cũng không được ông C thừa nhận. Ông C yêu cầu đoàn tụ nhưng ông không trình bày được cách thức hay biện pháp gì có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, ông C và bà Q đã không sống chung nhiều năm, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hàn gắn tình cảm được, mâu thuẫn giữa bà Q và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có đoàn tụ cũng không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

[3] Xét con chung: Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C có 02 con chung tên Huỳnh Lê Minh Đan, sinh năm 1993 và Huỳnh Lê Minh Quân, sinh năm 1997, hiện con chung đã trưởng thành. Tại phiên tòa, bà Q và ông C thống nhất con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử căn cứ giấy khai sinh của Huỳnh Lê Minh Đan và Huỳnh Lê Minh Quân thì hiện nay Minh Đan và Minh Quân đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét tài sản chung: Tại phiên tòa, bà Q và ông C thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Xét nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Q và ông C trình bày vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ.

[6] Án phí: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Q, bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

Con chung: Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C thống nhất con chung đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ.

Án phí: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001503 ngày 21/2/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy bà Lê Thị Q đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Q và ông Huỳnh Văn C có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh